NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42/2018/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú (sau đây gọi là Thông tư số 24/2015/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN

1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét quyết định cho vay bằng ngoại tệ đối với các nhu cầu vốn như sau:

a) Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa để phục vụ nhu

cầu trong nước khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay. Quy định này thực hiện đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2019;

b) Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay;

c) Cho vay trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay. Quy định này thực hiện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019;

d) Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu hàng năm để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu khi doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu không có hoặc không có đủ nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay;

đ) Cho vay ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay. Khi được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải ngân vốn cho vay, khách hàng vay phải bán số ngoại tệ vay đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay theo hình thức giao dịch hối đoái giao ngay, trừ trường hợp nhu cầu vay vốn của khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán mà pháp luật quy định đồng tiền thanh toán phải bằng ngoại tệ;

e) Cho vay để đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.”.

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 5. Đồng tiền trả nợ**

1. Đối với khoản vay bằng ngoại tệ mà tại thời điểm trước khi ký kết hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thẩm định khách hàng vay có đủ nguồn thu bằng ngoại tệ để trả nợ vay:

a) Khách hàng vay bằng loại ngoại tệ nào phải trả nợ gốc và lãi vốn vay bằng loại ngoại tệ đó; trường hợp trả nợ bằng loại ngoại tệ khác được thực hiện theo

thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan;

b) Trường hợp khi đến hạn trả nợ vay, khách hàng vay chứng minh được do nguyên nhân khách quan dẫn đến nguồn ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng vay bị chậm thanh toán, khách hàng vay không có hoặc chưa có đủ ngoại tệ để trả nợ vay, khách hàng vay được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay hoặc tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác để trả nợ vay.

Trường hợp khách hàng vay có nhu cầu mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay phải bán ngoại tệ cho khách hàng. Trường hợp khách hàng vay mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán ngoại tệ phải chuyển số ngoại tệ đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay.

Khách hàng vay phải bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã bán ngoại tệ trong trường hợp nhận được ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Đối với khoản vay bằng ngoại tệ mà tại thời điểm trước khi ký kết hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thẩm định khách hàng vay không có hoặc không đủ nguồn thu ngoại tệ để trả nợ vay: Khách hàng vay được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay hoặc tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác để trả nợ vay.

Trường hợp khách hàng vay có nhu cầu mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay phải bán ngoại tệ cho khách hàng. Trường hợp khách hàng vay mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán ngoại tệ phải chuyển số ngoại tệ đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay.”.

Điều 2.

Thay thế biểu số 01 và biểu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-NHNN bằng biểu số 01 và biểu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng tín dụng áp dụng phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay áp dụng phương thức cho vay theo hạn mức được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà các thỏa thuận cho vay từng lần được ký kết kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng vay thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Ngoài trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này, các hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng vay tiếp tục thực hiện theo nội dung đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Trường hợp thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 18/2017/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng

BIỂU SỐ 01

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....

BÁO CÁO DƯ NỢ CHO VAY BẰNG NGOẠI TỆ

Tháng..... Năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú)

Chỉ tiêu	Số dư nợ (quy đổi tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay so với tháng trước liền kề (%)
I. Dư nợ cho vay đối với khách hàng vay là người cư trú		
1. ***Dư nợ cho vay phân theo thời hạn***		
a) Ngắn hạn		
b) Trung và dài hạn		
2. ***Dư nợ cho vay phân theo mục đích vay vốn***		
a) Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa để phục vụ nhu cầu trong nước khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay		
b) Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay		
c) Cho vay trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khi		

Chỉ tiêu	Số dư nợ (quy đổi tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay so với tháng trước liền kề (%)
khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay		
d) Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu hàng năm để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu khi doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu không có hoặc không có đủ nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay		
đ) Cho vay ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay		
e) Cho vay để đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài		
g) Cho vay các nhu cầu vốn khác được NHNN chấp thuận bằng văn bản		
h) Cho vay các nhu cầu vốn khác của các hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay đã ký kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại các văn bản ban hành trước ngày Thông tư số 42/2018/TT-NHNN có hiệu lực thi hành		
3. *Dư nợ cho vay phân theo khả năng trả nợ vay của khách hàng*		
a) Khách hàng có nguồn thu bằng ngoại tệ để trả nợ vay		
b) Khách hàng không có nguồn thu bằng ngoài tệ để trả nợ vay		

Chỉ tiêu	Số dư nợ (quy đổi tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay so với tháng trước liền kề (%)
4. ***Dư nợ cho vay phân theo đối tượng khách hàng vay***		
a) Doanh nghiệp FDI		
b) Khách hàng vay khác		
II. Tỷ lệ nợ xấu cho vay bằng ngoại tệ		
1. Tỷ lệ nợ xấu cho vay bằng ngoại tệ so với tổng dư nợ cho vay (%)		
2. Tỷ lệ nợ xấu cho vay bằng ngoại tệ so với tổng dư nợ cho vay bằng ngoại tệ (%)		

...., ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu	Kiểm soát	Đại diện hợp pháp của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ghi chú:

1. Dư nợ cho vay tại phần I: (1) = (2) = (3) = (4).

2. Dư nợ cho vay tại chỉ tiêu 2h Phần I không bao gồm dư nợ cho vay đối với các nhu cầu vay vốn được quy định tại các văn bản ban hành trước ngày Thông tư số 42/2018/TT-NHNN có hiệu lực thi hành mà vẫn được tiếp tục được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 42/2018/TT-NHNN.

3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 25 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn, fax: 04.38240132).

4. Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu.

BIỂU SỐ 02

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....

SỐ TIỀN KHÁCH HÀNG TRẢ NỢ VAY NGOẠI TỆ VÀ DỰ KIẾN TRẢ NỢ VAY NGOẠI TỆ TRONG NĂM

Tháng.... năm....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tổng số tiền gốc và lãi vốn vay đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng (= (I)+(II))												
I. Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ mà khách hàng không có hoặc không có đủ nguồn thu ngoại tệ để trả nợ vay (=(I.1)+(I.2)+(I.3))												
1. Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu hàng năm để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu												
2. Cho vay đối với các nhu cầu được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản												
3. Cho vay đối với nhu cầu vốn khác của các hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay đã ký kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt												

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Nam tại các văn bản ban hành trước ngày Thông tư số 42/2018/TT-NHNN có hiệu lực thi hành												
II. Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ mà khách hàng có đủ nguồn thu ngoại tệ để trả nợ vay (= (II.1)+(II.2)+(II.3)+(II.4)+(II.5))												
1. Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa để phục vụ nhu cầu trong nước												
2. Cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam												
3. Cho vay trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ												
4. Cho vay ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam												
5. Cho vay để đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết												

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
định chủ trương đầu tư ra nước ngoài và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài												
6. Cho vay đối với nhu cầu vốn khác của các hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay đã ký kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại các văn bản ban hành trước ngày Thông tư số 42/2018/TT-NHNN có hiệu lực thi hành												

Lập biểu **Kiểm soát**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ghi chú:

1. Tại tháng báo cáo: TCTD báo cáo số liệu phát sinh thực tế trước, trong tháng báo cáo và số liệu dự kiến phát sinh từng tháng đối với các tháng sau tháng báo cáo.
2. Số tiền khách hàng trả nợ vay tại chỉ tiêu 3 Phần I và chỉ tiêu 6 Phần II không bao gồm số tiền khách hàng trả nợ vay đối với các nhu cầu vay vốn được quy định tại các văn bản ban hành trước ngày Thông tư số 42/2018/TT-NHNN có hiệu lực thi hành mà vẫn tiếp tục được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 42/2018/TT-NHNN.
3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 25 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn, fax: 04.38240132).
4. Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu.